



Phụ lục 02: Tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

TT	Danh mục chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư của dự án	Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công đã giao giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
			Tổng số	Vốn NS xã + huyện (cũ) đã chi giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh bổ sung giai đoạn 2021-2025	
1	2	7	9	10	11	12
	Tổng cộng	175.152,7	125.500,0	96.873,5	26.933,2	
I	Xã Bình Xuyên	46.849,7	40.191,7	29.992,5	10.199,3	
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đông Xuyên; hạng mục: móng tường rào, nhà làm việc 3 tầng	14.982,50	12.383,96	12.057,4	326,6	
2	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ cầu ông Gôn thôn Đông Cao nối đường tỉnh 396C	4.874,2	4.336,22	3.470,0	866,2	
3	Công trình: Kè đường liên xã đoạn từ cống mới đến nhà ông Long thôn Xuyên Hử	1.211,2	1.168,17	1.000,0	168,2	
4	Công trình: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đông Xuyên; hạng mục: cổng, tường rào, nhà xe, nhà bảo vệ, sân, cột cờ, bồn hoa	7.044,0	6.455,30	4.524,4	1.930,9	
5	Công trình: Nâng cấp và cải tạo sân đường, tường rào, và rãnh thoát nước Trường trung học cơ sở Đông Xuyên	1.944,9	1.484,65	1.015,9	468,7	
6	Công trình: Nhà vệ sinh Trường THCS Đông Xuyên	881,5	873,77	694,4	179,4	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư của dự án	Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công đã giao giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
			Tổng số	Vốn NS xã + huyện (cũ) đã chi giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh bổ sung giai đoạn 2021-2025	
1	2	7	9	10	11	12
7	San lấp sân thể thao thôn Bồng Lai xã Ninh Hải huyện Ninh Giang	2.457,3	2.242,00	1.985,2	256,8	
8	CT nâng cấp mái tầng 3 và cải tạo nhà lớp học (tòa nhà cũ) trường THCS Ninh Hải, xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang	616,0	608,50	300,0	308,5	
9	CT Cải tạo nâng cấp các phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Ninh Hải, xã Ninh Hải, huyện Ninh Giang	1.105,6	1.104,84	544,1	560,7	
10	Nhà hiệu bộ và phục vụ học tập Trường mầm non	6.768,5	5.590,21	4.401,0	1.189,2	
11	Công trình: Nhà vệ sinh Trường tiểu học Đông Xuyên	1.205,9	2.944,13		2.944,1	
12	Cải tạo, nâng tầng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường tiểu học Đông Xuyên	3.758,3	1.000,00		1.000,0	
II	XÃ HỒNG PHONG	57.233,6	48.069,7	35.610,6	12.459,1	
1	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường THCS HP	4.948,5	4.225,16	3.440,3	784,9	
2	Trường Mầm non trung tâm xã Hồng Phong HM: San lấp, tường kè, cống thoát nước	5.538,8	4.059,06	2.446,5	1.612,5	
3	Công trình 2 tầng, 8 phòng Trường mầm non trung tâm xã HP	11.282,3	7.605,39	6.751,5	853,9	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư của dự án	Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công đã giao giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
			Tổng số	Vốn NS xã + huyện (cũ) đã chi giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh bổ sung giai đoạn 2021-2025	
1	2	7	9	10	11	12
4	Nâng cấp cải tạo chợ bò xã HP	782,6	585,20	499,7	85,5	
5	Công trình Các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã	3.274,1	3.067,56	1.000,0	2.067,6	
6	Phát sinh: Hạng mục: Xây mới đường vào, khu bếp chế biến, bể nước sạch) Công trình các hạng mục phụ trợ trường Mầm non	186,4	-	0,0	0,0	
7	Nhà làm việc 3 tầng UBND xã Hồng Phong hạng mục: Nhà làm việc 1 tầng móng 3 tầng	4.995,9	4.876,18	4.282,0	594,2	
8	Nâng tầng 2, tầng 3, mái chống nóng nhà làm việc : Trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã HP	5.030,6	5.002,84	4.180,0	822,8	
9	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường MN	6.867,0	6.578,08	5.500,0	1.078,1	
10	Công trình Phụ trợ trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã. HM: Hệ thống sân vườn, cổng, tường rào, nhà xe, nhà bảo vệ	2.411,0	1.897,21	1.400,0	497,2	
11	Nhà văn hóa trung tâm xã	4.977,4	5.081,40	4.803,3	278,1	
12	Nhà đa năng+ mái che hành lang khu vệ sinh trường Tiểu học Hồng Phong, huyện Ninh Giang	489,3	347,14	0,0	347,1	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư của dự án	Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công đã giao giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
			Tổng số	Vốn NS xã + huyện (cũ) đã chi giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh bổ sung giai đoạn 2021-2025	
1	2	7	9	10	11	12
13	Nhà hiệu bộ trường Mầm non	5.205,0	3.655,18	757,3	2.897,9	
14	Trường Mầm non Hồng Phong; Hạng mục: Phòng giáo dục thể chất và Khu vui chơi phát triển vận động	1.244,5	1.089,34	550,0	539,3	
III	XÃ KIẾN PHÚC	71.069,4	37.238,5	31.270,4	4.274,8	
1	Nâng cấp sửa chữa Trạm y tế xã Hồng Phúc cũ	648,7	356,23	356,2		
2	Sân vận động thôn Đà Phố: HM san lấp mặt bằng, rãnh thoát nước	711,4	505,98	506,0		
3	Trụ sở làm việc xã Hồng Phúc. HM San lấp mặt bằng, tường rào	994,6	609,36	609,4		
4	Phụ trợ trụ sở xã. HM sân vườn, rãnh thoát nước, cổng, tường rào nhà xe	2.680,5	2.013,50	2.013,5		
5	Công trình: xây dựng trụ sở làm việc nhà công an xã Kiến Quốc	7.113,9	3.200,00	3.200,0		
6	Công trình cải tạo đường trục xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (Đoạn từ cầu xã đến trạm bơm thôn Ngọc Chi)	969,8	848,89	848,9		
7	Nhà làm việc ĐU-HĐND-UBND xã Hồng Phúc cũ	11.033,2	5.572,22	5.572,2		

TT	Danh mục chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư của dự án	Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công đã giao giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
			Tổng số	Vốn NS xã + huyện (cũ) đã chi giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh bổ sung giai đoạn 2021-2025	
1	2	7	9	10	11	12
8	Ao bơi hợp vệ sinh xã Hồng Phúc cũ	2.189,6	1.775,13	1.775,1		
9	Cải tạo, nâng cấp đường GT: Đoạn tuyến từ ông Phục ra dốc đê Đà Phố	3.138,9	2.555,00	2.555,0		
10	Công trình cải tạo đường trục xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang. Đoạn từ cầu xã đến trạm bơm thôn Ngọc Chi (Bổ sung một số đoạn vượt nôi và lán mặt nhựa đợt 2)	550,0	-	0,0		
11	Công trình Mái che sân trường MN xã Kiến Quốc	987,7	500,00	500,0		
12	Công trình Cải tạo sân trường Tiểu học Kiến Quốc	1.191,0	-	0,0		
13	Công trình: Tu sửa cấp thiết di tích đền thờ Khúc Thừa Dụ. Hạng mục: Đền chính, nhà tả vu, Hữu vu	984,9	984,90			
14	Công trình: Bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết nối từ đền thờ Khúc Thừa Dụ, Kiến Quốc - Đông Xuyên, Giai đoạn 1 (đoạn từ đền thờ Khúc Thừa Dụ đến đường đường tỉnh 396	531,8	531,81			
15	Công trình: Đường giao thông nông thôn xã Kiến Quốc- Đoạn từ chùa Kim Liên ra Cầu Đá	726,4	726,39			

TT	Danh mục chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư của dự án	Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công đã giao giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
			Tổng số	Vốn NS xã + huyện (cũ) đã chi giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh bổ sung giai đoạn 2021-2025	
1	2	7	9	10	11	12
16	Công trình: Đường giao thông liên thôn từ trạm bơm cống Tư thôn Ngọc Chi đến cống Đồng Dải - thôn An Cúc	978,1	978,14			
17	Công trình: xây dựng giao thông nội đồng xã Kiến Quốc (đoạn từ ông Doan tới cánh đồng	731,2	731,21			
18	Công trình: Công trình xây dựng mương tưới nước xã Kiến Quốc,	1.173,2	1.000,00		173,2	
19	Công trình: Công trình xây dựng giao thông nội đồng xã Kiến Quốc	1.159,8	1.000,00		159,8	
20	Công trình: Trường THCS xã Kiến Quốc; Hạng mục cải tạo nhà lớp học 3 phòng + Nhà vệ sinh học sinh	781,3	68,26		713,1	
21	Công trình: Các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Kiến Quốc	587,7			587,7	
22	Công trình: Trường tiểu học Kiến Quốc; Hạng mục nhà vệ sinh 1 tầng móng 3 tầng	865,3			865,0	
23	Công trình: xây dựng trụ sở làm việc nhà công an xã Kiến Quốc	6.926,4	2.000,00	3.926,4		
24	Công trình: Trường tiểu học Kiến Quốc; Hạng mục nhà lớp học 3 tầng móng 12 phòng; San lấp + Tường rào	9.342,4		7.566,3	1.776,0	

TT	Danh mục chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư của dự án	Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công đã giao giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
			Tổng số	Vốn NS xã + huyện (cũ) đã chi giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh bổ sung giai đoạn 2021-2025	
1	2	7	9	10	11	12
25	Công trình: Trường tiểu học Kiến Quốc, huyện Ninh Giang. Hạng mục: Xây mới cổng, tường rào, nhà bảo vệ	1.307,3	957,29	350,0		
26	Công trình: Xây mới nhà bảo vệ, sơn nhà lớp học 1 tầng 3 phòng trường THCS Kiến Quốc	381,5	81,53	300,0		
27	Công trình: Cải tạo sân, nâng cấp vỉa hè, bồn cây, hệ thống thoát nước Trường tiểu học Kiến Quốc	1.176,1	826,12	350,0		
28	Công trình cải tạo đường giao thông thôn Cúc Bồ (Đoạn từ nhà ông Bùi Văn Dinh đến nhà ông Tăng Văn Trình	886,7	847,49			
29	Công trình Mái che sân trường MN xã Kiến Quốc	972,5	972,48			
30	Công trình Cải tạo sân trường Tiểu học Kiến Quốc	1.151,2	1.151,25			
31	Mương tưới nước xã Hồng Phúc	1.185,1	1.185,07			
32	Phụ trợ trụ sở xã Hồng Phúc. HM nhà bảo vệ, nhà vệ sinh	781,8	781,80			
33	Ao bơi hợp vệ sinh	2.189,6	1.775,12	414,4		
34	Cải tạo, nâng cấp đường GT: Đoạn tuyến từ ông Phục ra dốc đê Đà Phố	3.002,5	2.555,00	427,0		
35	Trường THCS Hồng Phúc. HM nhà vệ sinh, sân bê tông, phá dỡ vệ sinh và tường rào cũ	888,8	148,35			

TT	Danh mục chương trình, dự án	Tổng mức đầu tư của dự án	Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công đã giao giai đoạn 2021 -2025 đến ngày 30/6/2025			Ghi chú
			Tổng số	Vốn NS xã + huyện (cũ) đã chi giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh bổ sung giai đoạn 2021- 2025	
1	2	7	9	10	11	12
36	Di chuyển đường điện 0,4kv trạm biến thế Đà Phố 2 để thực hiện cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã Hồng Phúc - Tân Phong	148,5				